TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 158/2026/QĐST-HNGĐ	*Lai Châu, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn B, xã D, thành phố Hà Nội

Tạm trú: Tổ dân phố số 2, phường P, tỉnh Lai Châu.

- Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố số 05, phường K, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ngày 06 tháng 8 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng hợp pháp (có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2021 tại UBND phường K, thành phố C, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND phường K, tỉnh Lai Châu). Anh C và chị N chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu, đến đầu năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Đến nay anh C và chị N nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều thực sự tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về các thỏa thuận khác: Anh C và chị N cũng đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, cấp dưỡng nuôi con chung, nghĩa vụ chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình được ghi nhận trong Biên bản Hòa giải đoàn tụ không thành. Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Việc thỏa thuận đó là tự nguyện, nội dung thỏa thuận đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên và con chung, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N

- Về việc nuôi con: Anh C và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoài A, sinh ngày 21/4/2023. Anh C và chị N thỏa thuận, chị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoài A cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C và chị N thỏa thuận anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Mức cấp dưỡng: 3.000.000 đồng/tháng

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2026 anh C có trách nhiệm chuyển tiền cấp dưỡng vào số tài khoản 3620243724 ngân hàng Thương mại Cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chủ tài khoản Nguyễn Thị N cho đến khi cháu Nguyễn Hoài A (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án, anh C chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về chia tài sản (tài sản chung, nợ chung, cho vay chung): Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị N thỏa thuận anh Nguyễn Văn C nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận anh Nguyễn Văn C đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0000034 ngày 23/7/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Nay số tiền đã nộp được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Đoàn Kết, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 - Lai Châu;
- Phòng THA dân sự khu vực 1 - Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân Anh